

DỰ THẢO CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

A. LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, với chiến lược phát triển đúng đắn của mình, Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam (VRG) đã có những bước phát triển rất nhanh chóng cả về qui mô và hiệu quả SXKD, lợi nhuận hàng năm đạt gần 10,000 tỷ đồng. Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam đã từng bước khẳng định vị trí hàng đầu của mình tại trong nước và khu vực, có những ảnh hưởng đáng kể đến thị trường Cao su thiên nhiên ở Khu vực Đông Nam Á và Châu Á.

Tuy nhiên, với việc Việt Nam hội nhập ngày càng sâu hơn vào nền kinh tế thế giới đang đòi hỏi công tác quản lý và công tác tổ chức sản xuất của VRG phải luôn hoàn thiện, tìm tòi những hình thức quản lý và cơ hội kinh doanh mới mang lại hiệu quả cao. Điều đó cũng đòi hỏi VRG phải xây dựng một hệ thống thông tin đáp ứng những nhu cầu của kinh doanh trong hoàn cảnh mới.

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt thì thông tin đòi hỏi phải được xử lý theo thời gian thực, lượng thông tin cần cung cấp ngày càng lớn, càng đa dạng cho rất nhiều đối tượng. Trong tình hình như vậy, công tác nghiên cứu, hoạch định, tổ chức và triển khai ứng dụng CNTT vào các nghiệp vụ của Tập đoàn, cũng như chính các Hệ thống thông tin quản lý đang được sử dụng tại Tập đoàn đã bộc lộ một số vấn đề cần quan tâm giải quyết:

- Chưa có hệ thống thông tin nhanh để xử lý và cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ quản lý và kinh doanh trong toàn Tập đoàn.

- Chưa hình thành chưa rõ nét một chiến lược có sự đầu tư tập trung dài hạn, theo định hướng và theo chuẩn CNTT nên sự phát triển về CNTT và tự động hoá tại các đơn vị thành viên của Tập đoàn thiếu tính chuyên nghiệp và đồng nhất, mang lại hiệu quả chưa cao.

- CNTT chỉ mới được xem là công cụ lao động, chưa thực sự được nhận thức là phương tiện quan trọng của hoạt động thương mại. Do đó các chỉ tiêu đầu tư cho lãnh vực này chưa được đặt ra thành một điều kiện tiên quyết trong quá trình phát triển của ngành. Đầu tư cho CNTT bị mất cân đối, thiên về đầu tư cho thiết bị.

- Trình độ sử dụng và phát triển các hệ thống CNTT không nhất quán: một lớp các đơn vị, phòng ban đã có CNTT phát triển, và một lớp khác gồm nhiều đơn vị vẫn chưa được tiếp cận với tin học hoá. Việc đào tạo đội ngũ chuyên gia CNTT chuyên nghiệp chưa được chú trọng.

- Chưa có hệ thống thông tin phân tích, dự báo phục vụ lãnh đạo, các hệ thống phục vụ bán hàng như tiếp thị, quản lý khách hàng...

- CNTT chưa phủ khắp các hoạt động của đơn vị.

- Thông tin và luồng thông tin chưa được tổ chức hợp lý nên việc sử dụng, cung cấp và khai thác dữ liệu theo chiều sâu còn hạn chế.

- Kỷ luật thông tin chưa được tôn trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng CNTT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian qua, Tập đoàn đã tiến hành xây dựng chiến lược CNTT. Chiến lược này sẽ được thực hiện như một thành phần quan trọng trong chiến lược phát triển SXKD của Tập đoàn.

B. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC CNTT

I. Xây dựng hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin

Mục tiêu là xây dựng một hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ có hiệu quả các lựa chọn và vận hành các hệ thống CNTT của Tập đoàn. Hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin gồm các lĩnh vực quan trọng sau đây:

a) Xây dựng mạng Thông tin và Truyền thông thống nhất trong toàn Tập đoàn.

Mạng nội bộ (LAN) là huyết mạch của toàn bộ hệ thống tại một đơn vị, và mạng diện rộng (WAN) là dây thần kinh nối các hệ thống với nhau. VRG hướng đến việc hình thành một hệ thống mạng WAN thống nhất trong toàn Tập đoàn từ các nông trường, nhà máy đến trụ sở chính từng công ty thành viên và đến văn phòng Tập đoàn. Việc hình thành mạng thông tin thống nhất là điều kiện cơ bản để thực hiện chiến lược CNTT của VRG.

b) Nền tảng hạ tầng phần cứng

VRG hướng đến việc hình thành một trung tâm dữ liệu (data center) chung cho toàn Tập đoàn, đây trung tâm máy tính đầu não, nơi mà tất cả các

dữ liệu tối quan trọng và chung cho Tập đoàn được lưu trữ và cấp phát cho người sử dụng của tất cả các đơn vị tại Tập đoàn.

c) Thành lập bộ phận CNTT theo ngành dọc:

VRG sẽ tổ chức lại bộ phận CNTT xuyên suốt từ Tập đoàn đến từng đơn vị thành viên. Cụ thể:

- Tại Tập đoàn sẽ hình thành bộ phận CNTT chuyên trách và được trao quyền hạn đầy đủ để tổ chức thực hiện chiến lược CNTT của Tập đoàn.

- Tại mỗi đơn vị sẽ có phòng CNTT với trung bình có 3 - 5 nhân viên cho văn phòng lớn và 2-3 nhân viên cho văn phòng nhỏ. Công việc sẽ tập trung vào các mảng sau

- Hỗ trợ nhân viên tại đơn vị về các dịch vụ CNTT
- Vận hành các phương tiện địa phương: File server và các phần mềm chuyên dụng tại đơn vị.
- Hợp tác với nhân viên CNTT tại Tập đoàn để giúp người sử dụng khai thác các hệ thống của trung tâm.

d) Chuẩn hóa các hoạt động CNTT

Sự tiêu chuẩn hoá các chính sách và hoạt động đánh dấu một bước phát triển của một tổ chức CNTT. Tất cả các chính sách và hoạt động chuẩn của Tập đoàn phải được xác định rõ ràng, lập tài liệu, tuyên truyền, huấn luyện và tăng cường trong toàn bộ các công ty.

Nguyên tắc chuẩn hóa:

- Phù hợp với thực tế của Tập đoàn.
- Chuẩn hóa theo qui trình hai chiều, từ lãnh đạo xuống và từ bộ phận cơ sở lên.

Việc này có nghĩa là thực tiễn tốt nhất từ nhân viên trực tiếp sẽ được lập tài liệu, lãnh đạo sẽ chọn ra mô hình thực tiễn tốt nhất cho chuẩn hoá. Đi kèm với nó, cần thuê một tổ chức tư vấn để trợ giúp quá trình. Cuối cùng tất cả các kết quả được chuyển cho một tổ chức độc lập được thuê có trách nhiệm kiểm tra để chứng nhận mô hình được chuẩn hoá và có chất lượng tốt.

Nội dung chuẩn hóa các hoạt động CNTT bao gồm:

- Chức năng, nhiệm vụ của tổ chức CNTT từ Tập đoàn xuống các đơn vị thành viên.

- Các qui trình nghiệp vụ chuẩn mức cao
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng
- Các mẫu biểu yêu cầu truy nhập tới tài nguyên CNTT
- Hướng dẫn sử dụng tất cả các tài nguyên chung
- Các qui trình hoạt động chi tiết trong tất cả các bộ phận
- Nơi lưu trữ trung tâm cho tất cả các tài liệu, dữ liệu
- Sơ đồ tất cả hệ thống và hạ tầng mạng.

e) Xây dựng chính sách mua sắm Sản phẩm và Dịch vụ CNTT thống nhất trong toàn Tập đoàn.

Tập đoàn sẽ hướng đến việc thiết lập các chính sách mua sắm để chuẩn hoá phần cứng và phần mềm mua nhằm đảm bảo tính thống nhất của công nghệ và có được sự chắc chắn của dịch vụ hỗ trợ từ các nhà cung cấp. Trong đó:

- Với các máy chủ dùng chung: Tập toàn sẽ thiết lập tiêu chuẩn hoặc đầu tư chung.

- Với các máy trạm, thiết bị đầu cuối cho người sử dụng: Thiết lập tiêu chuẩn, việc mua sắm tại từng đơn vị sẽ thực hiện theo chính sách mua sắm chung của Tập đoàn.

- Với phần mềm: Thiết lập tiêu chuẩn hoặc đầu tư chung tùy theo từng loại phần mềm.

f) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT, người sử dụng CNTT

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực CNTT, đào tạo người sử dụng CNTT là một phần rất quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, cũng như chiến lược phát triển của Tập đoàn.

Các nhóm sau sẽ là đối tượng trong kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực CNTT, đào tạo người sử dụng CNTT:

1. Đào tạo cán bộ quản lý của VRG: cán bộ quản lý từ cấp đơn vị đến Tập đoàn cần được đào tạo về các nội dung sau:

- Đào tạo về nhận thức, hiệu quả sử dụng CNTT
- Đào tạo tổ chức quản lý SXKD dựa trên nền tảng hệ thống CNTT
- Đào tạo khai thác hệ thống CNTT

2. Đào tạo nguồn nhân lực CNTT: nguồn nhân lực CNTT gồm 02 mảng:

- Mảng kỹ thuật CNTT: Đào tạo chuyên ngành liên quan đến quản trị các hệ thống thông tin gồm mạng, máy chủ, hệ điều hành, quản trị ứng dụng

- Mảng nghiệp vụ CNTT: Đào tạo hướng dẫn người dùng cuối trong việc khai thác, sử dụng hệ thống thông tin.

3. Đào tạo sử dụng cuối cùng. Là những người sẽ khai thác, sử dụng hệ thống ứng dụng phục vụ SXKD. Việc đào tạo gồm:

- Đào tạo về chính sách, qui định sử dụng các hệ thống thông tin
- Đào tạo sử dụng các ứng dụng nghiệp vụ trong công việc

II. Nền tảng công nghệ áp dụng

Các tiêu chuẩn dưới đây sẽ được sử dụng để chọn lựa công nghệ tại Tập đoàn. Trong đó, các yêu cầu về hoạt động là đặc trưng quan trọng nhất để chọn công nghệ thích hợp:

Yêu cầu về hoạt động

1. Độ tin cậy
2. Hiệu suất
3. Khả năng quản lý
4. Khả năng sẵn sàng ở mức cao
5. Khả năng điều khiển từ xa

Tiêu chuẩn chọn lựa công nghệ

1. Chi phí hợp lý
2. Khả năng mở rộng
3. Khả năng phân cấp
4. Tính linh hoạt
5. Khả năng bảo mật
6. Công nghệ đã được chứng minh

7. Hỗ trợ nhiều người dùng
8. Hỗ trợ từ nhà sản xuất/nhà cung cấp

Việc lựa chọn công nghệ cụ thể liên quan đến máy chủ, cơ sở dữ liệu, mạng, công cụ sẽ được Tập đoàn quyết định theo những dự án cụ thể dựa trên các tiêu chuẩn đã đề cập và mức độ ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động SXKD của Tập đoàn về dài hạn.

III. Các hệ thống ứng dụng CNTT tại Tập đoàn

Dưới đây là những hệ thống thông tin chính trong Tập đoàn, việc triển khai các hệ thống ứng dụng được thực hiện qua từng dự án cụ thể do Tập đoàn quyết định.

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
1.	Hệ thống thông tin tài chính	FAS	<p>Là hệ thống được triển khai mỗi đơn vị nhằm theo dõi và quản lý thông tin tài chính – kế toán của từng đơn vị thành viên của Tập đoàn.</p> <p>Hệ thống TC-KT cần có khả năng đủ mạnh để giải quyết được các yêu cầu quản lý có tính chất đặc thù của từng đơn vị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các công ty CP (Tập đoàn chi phối) - Các công ty TNHH - Các Tổng công ty trực thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các qui trình quản lý kế toán tài chính tại từng đơn vị, gồm: <ul style="list-style-type: none"> +1) Kế toán phải thu +2) Kế toán phải trả +3) Kế toán quản lý tiền mặt, tiền ngân hàng +4) Kế toán TSCĐ +5) Kế toán tổng hợp
2.	Hệ thống thông tin tài chính hợp nhất	CAS	<p>Là hệ thống triển khai tại Tập đoàn với quyền truy cập là từng đơn vị để phục vụ công tác tài chính – Kế toán của cả Tập đoàn trên cơ sở tuân thủ các qui định của Nhà nước về kế toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ban TC-KT Tập đoàn - Các đơn vị trực thuộc (Đầu nhập dữ liệu) 	<ul style="list-style-type: none"> - Qui trình hợp nhất báo cáo tài chính

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
			hợp nhất.		
3.	Hệ thống thông tin về nhân sự và lao động tiền lương	HRMS	<ul style="list-style-type: none"> + Quản lý về hồ sơ nhân sự- biến động nhân sự tại từng đơn vị trực thuộc. + Quản lý thời gian và tiền lương của từng đơn vị trực thuộc. Tích hợp được với hệ thống theo dõi chấm công của các nông trường (Đối với công ty Cao su) hay hệ thống thẻ chấm công (đối với công ty khác có áp dụng thẻ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Nhân sự - Lao động Tiền lương của từng công ty. - Ban Tổ chức Cán bộ của Tập đoàn - Ban Lao động tiền lương của Tập đoàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Qui trình tuyển dụng - Qui trình quản lý hồ sơ nhân sự. - Qui trình chấm công - Qui trình tính lương - Qui trình quản lý đào tạo
4.	Hệ thống thông tin Quản lý vườn cây	RGMS	<p>Hệ thống phải hỗ trợ công tác quản lý Tài chính và Kỹ thuật trong việc đầu tư, chăm sóc và khai thác vườn cây Cao Su của Tập đoàn Cao Su Việt nam.</p> <p>Gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý công tác đầu tư vườn cây tại từng đơn vị đến từng Lô, Ha - Quản lý vườn cây đang khai thác 	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ phận kỹ thuật của từng nông trường. - Các bộ phận kỹ thuật tại từng công ty Cao su. - Ban kỹ thuật trên Tập đoàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Qui trình trồng mới - Qui trình chăm sóc cây chưa khai thác - Qui trình khai thác - Qui trình chăm sóc vườn cây đang khai thác

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
			<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp với hệ thống thống kê tại nông trường để cập nhật thông tin về vườn cây. 		
5.	Hệ thống thông tin quản lý Hậu cần	LMS	<p>Là hệ thống được triển khai mỗi đơn vị nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý các hoạt động về mua hàng hóa, dịch vụ. - Quản lý nhập xuất tồn nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm. - Quản lý bán hàng. <p>Các phần trên vào quan hệ với nhau và tích hợp chặt với hệ thống kế toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận mua hàng tại đơn vị - Bộ phận quản lý kho tại đơn vị - Bộ phận bán hàng tại đơn vị - Ban XNK tại Tập đoàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình mua hàng (Cả hàng nhập khẩu) - Quy trình bán hàng - Quy trình quản lý hàng tồn kho
6.	Hệ thống thông tin Quản lý sản xuất theo quy trình (Chế biến)	PMS	<p>Là hệ thống quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất tại các Nhà máy chế biến mù tại từng công ty Cao su</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhà máy chế biến mù tại từng Công ty Cao su - Bộ phận Kế hoạch sản xuất, Kế toán giá thành tại các công ty Cao su 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình quản lý công thức, định mức sản xuất - Quy trình lập kế hoạch sản xuất - Quy trình thực hiện sản xuất - Quy trình quản lý chất lượng

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
					- Qui trình tính giá thành sản phẩm.
7.	Hệ thống quản lý Sản xuất công nghiệp (lắp ráp)	DMS	Là hệ thống quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất của các Nhà máy, xí nghiệp công nghiệp cao su như sản xuất đồ gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Các xí nghiệp, nhà máy sản xuất đồ gỗ - Bộ phận Kế hoạch sản xuất, Kế toán giá thành tại các công ty công nghiệp cao su 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý định mức và thiết kế sản phẩm - Qui trình lập kế hoạch sản xuất - Qui trình thực hiện sản xuất - Qui trình quản lý chất lượng - Qui trình tính giá thành sản phẩm.
8.	Hệ thống thông tin điều hành cho Lãnh đạo	EMS	Là hệ thống cung cấp thông tin tổng hợp ở mức cao và mang tính chiến lược cho các cấp lãnh đạo để hỗ trợ việc ra quyết định. Thông tin của hệ thống này được tổng hợp từ các hệ thống nghiệp vụ trong mỗi đơn vị.	<ul style="list-style-type: none"> - Ban lãnh đạo các công ty - Ban lãnh đạo Tập đoàn 	
9.	Hệ thống thông tin Quản lý thống kê - kế hoạch	PMS	Là hệ thống quản lý công tác thống kê – kế hoạch của toàn Tập đoàn, cho phép: <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý số liệu kế hoạch của các đơn vị và 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TC-KT, Phòng kế hoạch đơn vị. - Ban KH-ĐT Tập đoàn - Ban TC-KT Tập đoàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Qui trình lập kế hoạch - Quản lý số liệu thực tế - Báo cáo thống kê

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
			<p>của toàn Tập đoàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận số liệu thống kê, số liệu thực tế của từng chỉ tiêu kế hoạch. - Báo cáo, tra cứu về tính thực hiện kế hoạch của đơn vị, Tập đoàn - Tích hợp với hệ thống thông tin điều hành để cung cấp thông tin kịp thời cho các cấp lãnh đạo. 		
10.	Hệ thống thông tin quản lý dự án đầu tư	PRMS	Là hệ thống quản lý toàn bộ công tác chuẩn bị, dự toán, thực hiện dự án và quyết toán dự án của tất cả các dự án trong Tập đoàn	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Kế hoạch, TC-KT đơn vị. - Ban KH-ĐT, Ban XDCB của Tập đoàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình chuẩn bị dự án: Lập kế hoạch, lên dự toán. - Quy trình thực hiện dự án: Theo dõi tiến độ và chi phí. - Quy trình quyết toán: Kiểm tra lập báo cáo quyết toán
11.	Hệ thống thông tin quản lý văn bản	DOMS	Là hệ thống theo dõi qui trình xử lý văn bản, lưu trữ văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ phận hành chính của từng đơn vị 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý quá trình xử lý văn bản của tất cả

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
			phục vụ công tác tra cứu.	- Văn phòng Tập đoàn	các đơn vị - Quản lý lưu trữ văn bản
12.	Hệ thống thông tin bảo hành bảo trì	CMMS	Theo dõi một cách có hiệu quả các thủ tục và quá trình bảo hành bảo trì các tài sản cố định của ngành. Hệ thống này sẽ giúp cho việc bảo vệ nguồn đầu tư và tài sản cố định và tránh những hỏng hóc, xuống cấp sớm.	- Bộ phận kỹ thuật đơn vị, nhà máy. - Ban Quản lý kỹ thuật Tập đoàn	- Qui trình lập kế hoạch bảo trì - Qui trình thực hiện bảo trì
13.	Hệ thống theo dõi thị trường và dự báo	MS	Hệ thống thông tin này ghi nhận và lưu trữ toàn bộ thông tin về thị trường cao su Việt Nam và trên thế giới như giá cả, sản lượng phục vụ công tác điều hành kinh doanh.	- Phòng Kinh doanh của Công ty cao su - Ban XNK	
14.	Hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến (iLearning)	TMS	Là hệ thống phục vụ công tác quản lý, đào tạo từ xa	- Phòng TC-LĐ của đơn vị. - Trường Trung học Cao su - Ban TCCB	- Qui trình đăng ký đào tạo - Qui trình đào tạo
15.	Hệ thống thông tin thống kê tại Nông	FMS	Là hệ thống được cài đặt tại từng Nông trường cao su nhằm	- Nông trường cao su	

STT	Hệ thống thông tin nghiệp vụ	Mã hệ thống	Yêu cầu nghiệp vụ mức cao	Đơn vị áp dụng	Quy trình nghiệp vụ được hỗ trợ
	trường Cao su		<p>phục vụ công tác thông kê, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê sản lượng - Theo dõi cây cao su - Theo dõi cấp phát vật tư, bôi thuốc, thiệt hại.. - Theo dõi ngày công - <p>... Thông tin của hệ thống này được cập nhật hàng ngày và là đầu vào của các hệ thống quản lý trên công ty và Tập đoàn</p>		

C/ VỐN ĐẦU TƯ

Chi phí đầu tư một hệ thống CNTT gồm các phần sau:

- Chi phí hạ tầng CNTT
- Chi phí bản quyền
- Chi phí triển khai

Trong đó:

1. Chi phí Hạ tầng CNTT:

- Thành phần: Gồm máy chủ, mạng, các thiết bị bảo mật, lưu trữ.
- Chi phí thực tế dựa trên hệ thống ứng dụng và số lượng người dùng.

2. Chi phí bản quyền

- Thành phần: Gồm bản quyền phần mềm hệ thống và bản quyền phần mềm ứng dụng.
- Chi phí thực tế tính bình quân theo số lượng người dùng.

3. Chi phí triển khai:

- Thành phần: Gồm tư vấn quy trình, triển khai, đào tạo, bảo hành.
- Chi phí thực tế tính theo:
 - Phần mềm triển khai
 - Số lượng người dùng
 - Số địa điểm triển khai

Đối với những hệ thống thông tin quan trọng, Tập đoàn sẽ đầu tư và quản lý tập trung, các đơn vị sử dụng và khai thác các hệ thống theo yêu cầu quản lý của đơn vị mình.

D/ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tập đoàn không thể ngay lập tức chuyển sang giai đoạn nền tảng CNTT cao cấp từ hiện tại. Cần có các giao đoạn chuyển tiếp.

Trong mỗi dự án triển khai các hệ thống thông tin nêu trên, các bước thực hiện sẽ được tính toán nhằm giúp Tập đoàn chuyển sang các tiêu chuẩn cao hơn cùng lúc. Điều này có nghĩa là nhiều dự án cần được tiến hành đồng lúc để nâng cấp toàn bộ hoạt động CNTT.

Lộ trình triển khai các phần mềm tại VRG

TT	Tên phần mềm	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Lộ trình triển khai
1	Hệ thống thông tin tài chính hợp nhất	Tại Văn phòng tập đoàn, trong đó, các đơn vị trực thuộc là đầu mối nhập liệu.	2010-2011	
2	Hệ thống quản lý văn bản và văn phòng điện tử	Tại Văn phòng tập đoàn, trong đó, các đơn vị trực thuộc là đầu mối nhập liệu.	2011	Triển khai trước hết phục vụ yêu cầu quản lý của tập đoàn, sau đó nhân rộng đến các đơn vị
3	Hệ thống quản lý Thống kê – Kế hoạch – Điều hành	Tại Văn phòng tập đoàn, trong đó, các đơn vị trực thuộc là đầu mối nhập liệu.	2011	
4	Hệ thống quản lý vườn cây	Tại Văn phòng tập đoàn và các công ty Cao su.	2011-2012	
5	Triển khai thí điểm Hệ thống ERP tổng thể cho một công ty Cao su (gồm quản lý Tài chính Kế toán, Kinh doanh-Hậu cần, Nhân sự - Tiền lương, Quản lý Sản xuất; Thông tin điều hành)	Tại một công ty Cao su	2011-2012	
6	Hệ thống quản lý Nhân sự - Tiền lương	Tại Văn phòng tập đoàn	2011- 2012	
7	Hệ thống quản lý dự án đầu tư	Tại Văn phòng tập đoàn	2011- 2012	
8	Triển khai và hoàn chỉnh các hệ thống tại Văn phòng Tập đoàn	Văn phòng Tập đoàn	2012-2015	
9	Triển khai hệ thống ERP tổng thể tại các đơn vị	Các công ty Cao su	2012-2015	

E/ KẾT LUẬN

Dưới đây là những lợi ích chính sau khi triển khai thành công chiến lược CNTT:

1. Lợi ích đến hoạt động SXKD hàng ngày

- Giảm thời gian thực hiện các qui trình sản xuất kinh doanh
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ khách hàng
- Tăng cường khả năng vận hành sản xuất mang tính tập trung
- Quản lý tồn kho tốt hơn (giá trị hàng tồn kho, vòng quay, tỷ lệ hàng đến hạn, hàng hỏng)
- Tăng cường tính kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất với bán hàng và phân phối
- Khả năng nâng cao quản lý nghiệp vụ theo thời gian thực

2. Lợi ích đến công tác quản lý và đến cơ cấu tổ chức chung

- Quản lý các nguồn lực của đơn vị được tốt hơn, gồm vật tư, tiền vốn, thiết bị, con người.
- Cải thiện môi trường làm việc cộng tác giữa các bộ phận, đơn vị.
- Cải thiện công tác lập kế hoạch và quản lý thực hiện kế hoạch
- Nâng cao hiệu quả Sản xuất kinh doanh
- Hỗ trợ tính liên kết trong từng đơn vị thành viên và trên toàn Tập đoàn. Đối với từng công ty thành viên là sự liên kết giữa các chi nhánh, nhà máy, đơn vị trực thuộc theo các qui trình kinh doanh.
- Hỗ trợ tăng trưởng của từng đơn vị thành viên và của Tập đoàn
- Hỗ trợ thay đổi mang tính tổ chức, cho phép Tập đoàn có thể thực hiện các hoạt động tái cấu trúc để nâng cao hiệu quả SXKD của Tập đoàn.
- Hỗ trợ tăng trưởng kiến thức cho nhân viên của Tập đoàn
- Nâng cao chất lượng thông tin (tập trung, xuyên suốt, mang tính thừa hưởng, chính xác, đầy đủ, kịp thời)

3. Lợi ích tác động đến cơ sở hạ tầng công nghệ, đội ngũ CNTT

- Xây dựng tính linh hoạt cho sự thay đổi của hệ thống trong giai đoạn hiện tại và tương lai
- Giảm chi phí vận hành hệ thống CNTT
- Nâng cao khả năng đội ngũ CNTT
- Tính nâng khả năng sử dụng và chất lượng của hệ thống thông tin.

- Giảm bớt số lượng hệ thống CNTT trên qui mô toàn Tập đoàn.

Việc triển khai chiến lược CNTT tại Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam và các công ty thành viên sẽ dẫn đến những thay đổi sâu sắc trong cách điều hành sản xuất kinh doanh dựa trên thông tin trực tuyến, với sự hỗ trợ của các công cụ phân tích nhiều chiều, lãnh đạo Tập đoàn và các công ty thành viên có hệ thống trợ giúp để đưa ra được các quyết định SXKD một cách kịp thời, hiệu quả.